

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4317 /UBND

Cần Giờ, ngày 29 tháng 6 năm 2023

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện
Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT
sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-
BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trực trên địa bàn huyện;
- Hiệu trưởng Trường Chuyên biệt Cần Thạnh;
- Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện.

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, số 02/2021/TT-BGDĐT, số 03/2021/TT-BGDĐT, số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (gọi tắt là Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT);

Căn cứ Công văn số 3108/SGDĐT-TCCB ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Hiệu lực và nội dung sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Hiệu lực thi hành: kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2023.
- Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT⁽¹⁾ ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT (theo bảng Phụ lục chi tiết đính kèm).

⁽¹⁾ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập; Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trung học phổ thông công lập.

2. Về bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông công lập:

Hiệu trưởng trường Mầm non; Hiệu trưởng trường Tiểu học; Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở; Hiệu trưởng trường Chuyên biệt Cần Thạnh; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện có trách nhiệm thực hiện hồ sơ bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông công lập đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm quy định tại Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, trong đó lưu ý:

2.1. Về nhiệm vụ của giáo viên: Được quy định đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp là những công việc giáo viên thực hiện sau khi được bổ nhiệm vào hạng và trong suốt thời gian giữ hạng nếu được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phân công. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thể phân công giáo viên thực hiện nhiệm vụ của hạng cao hơn nếu giáo viên có khả năng thực hiện. Đối với những nhiệm vụ theo hạng chức danh nghề nghiệp mà trường mầm non, phổ thông công lập không được giao hoặc không đủ điều kiện thực hiện thì người đứng đầu trường mầm non, phổ thông công lập quyết định việc quy đổi sang các nhiệm vụ khác có liên quan để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên. Không yêu cầu giáo viên phải cung cấp minh chứng về việc thực hiện nhiệm vụ của hạng khi bổ nhiệm vào hạng tương ứng theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT.

2.2. Về việc sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp:

- Trường hợp giáo viên mầm non đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, hạng III, hạng IV; giáo viên tiểu học đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II, hạng III, hạng IV; giáo viên trung học cơ sở đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I, hạng II, hạng III; giáo viên trung học phổ thông đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I, hạng II, hạng III theo quy định của pháp luật **trước ngày 30 tháng 6 năm 2022** được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng với từng cấp học, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và không phải học chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng với từng cấp học quy định tại Thông tư này.

- Giáo viên tuyển dụng mới phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định trong thời gian thực hiện chế độ tập sự.

- Giáo viên tuyển dụng mới nhưng không phải thực hiện chế độ tập sự thì phải bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày được tuyển dụng.

- Tính đến ngày Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực, các trường hợp còn dưới 01 (một) năm thực hiện chế độ tập sự thì phải bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành.

2.3. Đối với giáo viên chưa được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đúng với cấp học đang giảng dạy hoặc thay đổi vị trí việc làm mà chức danh nghề nghiệp đang giữ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới: người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và đảm bảo nguyên tắc:

- Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm và chuyển xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất của hạng được chuyển theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Khi chuyển chức danh nghề nghiệp không được kết hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp, không kết hợp nâng bậc lương;

- Khi chuyển chức danh nghề nghiệp không yêu cầu viên chức phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm được chuyển;

- Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp cũ được xác định tương đương thời gian giữ chức danh nghề nghiệp được chuyển.

2.4. Đối với trường hợp giáo viên vẫn giữ mã ngạch của công chức: người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên đúng với cấp học đang giảng dạy theo quy trình xét chuyển chức danh nghề nghiệp quy định tại Mục 2.3 văn bản này.

2.5. Đối với trường hợp giáo viên vẫn giữ các ngạch giáo viên có đầu mã ngạch là “15.”, “15a.”, “15c.”: cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tại các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22 và 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV² để bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp mới tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT.

2.6. Đối với trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông đã thực hiện việc bổ nhiệm từ các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22 và 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV sang chức danh nghề nghiệp tương ứng theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT: khi thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT nếu có sự thay đổi về hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm thì cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thay thế và không thực hiện việc truy thu tiền lương, phụ cấp chênh lệch đã chi trả.

² Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập.

Trường hợp khi thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT nếu không có sự thay đổi về hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm thì giữ nguyên hạng chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm và không cần ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thay thế.

2.7. Về xác định bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp

- Trường hợp giáo viên phổ thông đã có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và bằng trung cấp sư phạm hoặc cao đẳng sư phạm hoặc trường hợp giáo viên phổ thông đã có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp trước ngày 22 tháng 5 năm 2021 thì được xác định là có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của cấp học đang giảng dạy theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Trường hợp giáo viên phổ thông có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp quy định tại tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông được xác định là bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân chuyên ngành không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đó có các môn học hoặc học phần (thuộc khối kiến thức chuyên ngành) đảm bảo yêu cầu giảng dạy môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục phổ thông. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo (nơi cấp bằng) để xác định tính phù hợp của bằng cử nhân với môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Đối với các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông chưa có mã ngành đào tạo giáo viên thì người đứng đầu cơ sở giáo dục phân công giáo viên hiện có và cử giáo viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy môn học được phân công. Trường hợp giáo viên đã có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên, hoặc có bằng cử nhân và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm được phân công giảng dạy môn học khác với chuyên ngành được đào tạo và được người đứng đầu cơ sở giáo dục đánh giá đạt tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để giảng dạy môn học được phân công thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương và được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

2.8. Trường hợp giáo viên đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hoặc năm học 2021-2022 bị đánh giá, xếp loại viên chức không hoàn thành nhiệm vụ: giữ nguyên mã số, hệ số lương hiện hưởng cho đến khi hết thời gian thi hành kỷ luật hoặc được đánh giá, xếp loại viên chức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo quy định.

2.9. Trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015).

2.10. Các quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV tiếp tục được sử dụng và không cần phải ban hành quyết định thay thế.

2.11. Bộ yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm; xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên trong thực hiện bổ nhiệm, xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

3. Cách xếp lương theo chức danh nghề nghiệp:

Viên chức được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông quy định tại Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2014 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Việc xếp lương khi bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc chuyển xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông công lập: áp dụng kể từ ngày Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành, bao gồm:

(1) Công văn đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức;

(2) Biên bản xét bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức;

(3) Danh sách đề nghị xét bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức;

(4) Bản sao văn bằng chuyên môn, chứng chỉ phù hợp với chức danh nghề nghiệp đề nghị;

(5) Bản sao Quyết định điều động, bổ nhiệm (nếu có); Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20, 21, 22 và 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV; Quyết định nghỉ không hưởng lương (nếu có); Quyết định kỷ luật (nếu có), ...

(6) Bản tự nhận xét của viên chức đối với các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đề nghị bổ nhiệm, có xác nhận của người đứng đầu đơn vị;

(7) Minh chứng tiêu chuẩn về thành tích tương ứng với từng hạng chức danh nghề nghiệp đề nghị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT;

(8) Các tài liệu minh chứng khác phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện:

5.1. Các trường mầm non, phổ thông công lập, Chuyên biệt Cần Thạnh và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện

a) Triển khai Thông tư, văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện đến toàn thể giáo viên của đơn vị được biết.

b) Trình hồ sơ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non, phổ thông công lập đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm quy định tại Thông tư liên tịch số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDĐT, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT gửi về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo).

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương của các đơn vị và trình Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nội vụ).

3. Phòng Nội vụ: Thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức theo quy định.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc thực hiện (Đính kèm Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT và Phụ lục chi tiết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Nội vụ;
- VP: CVP, PVP/TH;
- Lưu: VT, HH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Xuân

PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Kèm theo Công văn số 4317/UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc)



I. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hàng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN.	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non. 2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước trẻ em. 3. Yêu nghề, thương yêu trẻ em; biết quản lý cảm xúc; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.” 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDĐT
	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ - Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 3, thay thế nội dung “Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non” - Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 3, điểm d khoản 4 Điều 4, điểm d khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thành tích minh chứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: - Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 4 - Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 5 5. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III “từ đủ 09 năm...” thành “từ đủ 03 năm...” và thời gian tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm e khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng II “từ đủ 06 năm...” thành “từ đủ 09 năm...” và thời gian tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ.	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ “b) Có kiến thức, kỹ năng trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực hiện chương trình giáo dục mầm non.” “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm;” 4. Về thành tích minh chứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: bổ sung thêm các thành tích khác được cấp thẩm quyền công nhận, cụ thể: “đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp huyện trở lên;” “đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên hoặc được nhận bằng khen hoặc giấy khen từ cấp tỉnh trở lên.” 5. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp “e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” “e) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bỏ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non hàng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên mầm non hàng III và bổ nhiệm vào hàng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non đã từng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá đạt yêu cầu.	1. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non “Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non 2. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hàng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDDT-BNV nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT như sau: 3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hàng IV (mã số V.07.02.06) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hàng III (mã số V.07.02.26); 4. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng III (mã số V.07.02.26) đối với giáo viên mầm non hàng III (mã số V.07.02.05); 5. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng II (mã số V.07.02.25) đối với giáo viên mầm non hàng II (mã số V.07.02.04). 6. Giáo viên mầm non hàng II (mã số V.07.02.25) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hàng I (mã số V.07.02.24) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hàng II lên hàng I.” 7. Điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp giáo viên mầm non chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT thì tiếp tục giữ hàng, mã số và hệ số lương của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDDT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
	7. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thi tiếp tục giữ hàng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.	

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDĐT
	- Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu. 8. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giảm thời gian giữ CDNN giáo viên hạng II đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I.	2. Trường hợp giáo viên mầm non chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên mầm non hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.” 8. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non cao cấp (mã số 15a.205) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26). 3. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) hoặc giữ ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên mầm non theo Luật Giáo dục 2019. 4. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên mầm non hạng I và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm e khoản 4

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT. 9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 01/2021/TT-BGDDT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	9. Về tổ chức thực hiện “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT là căn cứ thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.” “a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non trong trường mầm non công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;”

II. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BGDDT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập (Thông tư số 02/2021/TT-BGDDT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hàng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5: về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hàng CDNN.	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục tiểu học. 2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh. 3. Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các hạng CDN. - Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5, không còn yêu cầu trình độ thạc sỹ đối với giáo viên tiểu học hạng I. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: - Sửa đổi điểm g khoản 4 Điều 3, điểm g khoản 4 Điều 4, điểm đ khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm g khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng II tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ.	2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - <i>b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.</i> - <i>"a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành."</i> 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ <i>"Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm"</i> 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp <i>"i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng."</i> <i>"g) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng."</i>

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bỏ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học hạng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên tiểu học hạng III và bỏ nhiệm vụ vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học đã trúng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá đạt yêu cầu.	5. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: “Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học 1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TT-LT-BGDĐT-BNV nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT như sau: a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29); b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) đối với giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29); c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) đối với giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) có tổng thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) và hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự). 2. Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi được xác định là người trúng tuyển trong kì thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng II lên hạng I.”
	6. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thi tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải	6. Về điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp giáo viên tiểu học chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. - Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu. 7. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp. - Giám thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II.	danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. 2. Trường hợp giáo viên tiêu học chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiêu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên tiêu học hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.” 7. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc giữ ngạch giáo viên tiêu học cao cấp (mã số 15a.203) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng II (mã số V.07.03.28). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng IV (mã số V.07.03.09) hoặc giữ ngạch giáo viên tiêu học (mã số 15.114) hoặc giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng III (mã số V.07.03.08) hoặc giữ ngạch giáo viên tiêu học chính (mã số 15a.204) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng III (mã số V.07.03.29) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiêu học theo Luật Giáo dục 2019. 3. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng II (mã số V.07.03.28) nếu đã có bằng thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên tiêu học hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiêu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỬA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	- Xác định một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học. 9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 02/2021/TT-BGDDT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT. 4. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên tiểu học bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Tin học và Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Tin học hoặc Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Tin học, Công nghệ, Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật công nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mỹ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.” 9. Về tổ chức thực hiện: “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên tiểu học trong các trường tiểu học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.” “a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên tiểu học trong trường tiểu học công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”

III. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BGDDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập (Thông tư số 03/2021/TT-BGDDĐT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDĐT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN). - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5: về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN. 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả các hạng CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5, không còn yêu cầu trình độ thạc sỹ đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I.	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học cơ sở. 1. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh. 3. Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.” 2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở.” - “a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: sửa đổi điểm h khoản 4 Điều 3, điểm h khoản 4 Điều 4, điểm h khoản 4 Điều 5, , thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ.	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: “<i>Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.</i>” 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp “<i>k) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương đủ từ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.</i>” “<i>k) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.</i>”
	5. Về nhiệm vụ của giáo viên hạng I: Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 5, điều chỉnh hình thức “<i>đạy học trực tuyến</i>” thành “<i>đạy học trên truyền hình</i>”.	5. Về nhiệm vụ của giáo viên hạng I: “<i>b) Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp huyện trở lên hoặc tham gia dạy học trên truyền hình.</i>”
	6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: sửa đổi toàn văn Điều 7, trong đó bỏ nội dung bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II chưa đạt tiêu chuẩn vào giáo viên trung học cơ sở hạng III và bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở đã trúng tuyển đối với giáo viên tuyển mới sau khi hết thời gian tập sự, được đánh giá	6. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: “<i>Điều 7. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở</i> <i>1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDDT-BNV nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT như sau:</i>

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	đạt yêu cầu. 7. Về điều khoản chuyển tiếp: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Quy định giáo viên chưa đáp ứng điều kiện thi tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện thi được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. - Quy định giáo viên chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, nhưng không thuộc đối tượng nâng chuẩn của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP thì tiếp tục giữ hạng, mã số hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu.	a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32); b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) có tổng thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) và hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc tương đương đủ từ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự); c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10).” 7. Về điều khoản chuyển tiếp: “Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng điều kiện để được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hiện đang được xếp theo Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở tương ứng mà không phải thông qua thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. 2. Trường hợp giáo viên trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục 2019 nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ hạng, mã số và hệ số lương của chức danh giáo viên trung học cơ sở hiện đang được xếp cho

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDĐT
	7. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 10, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp.	đến khi nghỉ hưu.” 7. Về điều khoản áp dụng: “Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30). 2. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở chính (mã số 15a.201) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31). 3. Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) hoặc giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) từ thời điểm giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở theo Luật Giáo dục 2019. 4. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) nếu đã có bằng thạc sĩ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học cơ sở hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc tương đương đầu từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. 5. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý có bằng cử
	- Giám thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II. - Xác định một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở.	

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	9. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 11, xác định Thông tư số 03/2021/TT-BGDDT không làm căn cứ xác định	nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử hoặc Địa lý hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử, Địa lý. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Khoa học tự nhiên có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Khoa học tự nhiên hoặc Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lý, Hóa học, Sinh học. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; c) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; d) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Nghệ thuật hoặc Âm nhạc hoặc Mỹ thuật hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.” 9. Về tổ chức thực hiện: “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	vị trí việc làm, cơ cấu viên chức - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	<i>“a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở trong trường trung học cơ sở công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”</i>

IV. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2021/TT-BGDDT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập (Thông tư số 04/2021/TT-BGDDT)

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp - Bổ sung Điều 2a sau Điều 2: áp dụng chung cho tất cả hạng chức danh nghề nghiệp. - Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp tại từng hạng CDNN.	1. Về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp “Điều 2a. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp 1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học phổ thông. 2. Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh. 3. Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. 4. Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.”
	2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: - Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 3, điểm b khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 5, không còn quy định chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo từng hạng, chỉ còn 01 chứng chỉ dùng chung cho tất cả	2. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: “b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDĐT
	các hạng CDNN. 3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: sửa đổi điểm k khoản 4 Điều 3, điểm g khoản 4 Điều 4, điểm g khoản 4 Điều 5, thay thế nội dung về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số. 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp - Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 4, điều chỉnh thời gian giữ hạng III tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. - Sửa đổi điểm i khoản 4 Điều 5, điều chỉnh thời gian giữ hạng II tính đến hết thời hạn nộp hồ sơ. 5. Về điều khoản áp dụng: sửa đổi toàn văn Điều 9, theo đó: - Xác định chi tiết về thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp của từng hạng tương ứng với mã số chức danh nghề nghiệp.	3. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: “Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm” 4. Về thời gian giữ hạng đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp “i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” “i) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.” 5. Về điều khoản áp dụng: “Điều 9. Điều khoản áp dụng 1. Thời gian giáo viên trung học phổ thông giữ hạng I, hạng II, hạng III theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV tương đương với thời gian giữ hạng I, hạng II, hạng III quy định tại Thông tư số 08/2023/TT-BGDDĐT. Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng II (mã số V.07.05.14). Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học (mã số 15.113) được xác định là tương đương với thời gian giáo viên giữ hạng III (mã số V.07.05.15).

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT
	- Giám thời gian giữ CDNN giáo viên hạng III đối với giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo khi dự thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II. - Xác định một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học phổ thông. - Giáo viên trung học phổ thông đã bỏ nhiệm vụ chức danh nghề nghiệp theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDDT-BNV không cần phải ban hành quyết định thay thế.	2. Trường hợp giáo viên dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) nếu đã có bằng thạc sĩ, đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên trung học phổ thông hạng II và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng thì được xác định là đủ yêu cầu về thời gian giữ hạng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT. 3. Một số trường hợp giáo viên đang giảng dạy được xác định đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên trung học phổ thông bao gồm: a) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; b) Giáo viên được phân công giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Giáo dục Công dân hoặc Giáo dục Chính trị hoặc bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị. Trường hợp có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. 4. Các quyết định bỏ nhiệm vụ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDDT-BNV tiếp tục được sử dụng và không cần phải ban hành quyết định thay thế.”

TT	SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT- BGDDĐT	NỘI DUNG CHI TIẾT ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDĐT
	6. Về tổ chức thực hiện: - Sửa đổi khoản 1 Điều 10, xác định Thông tư số 04/2021/TT-BGDDĐT không là căn cứ xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo CDNN. - Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 10, không yêu cầu xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.	6. Về tổ chức thực hiện: “1. Thông tư số 08/2023/TT-BGDDĐT là căn cứ thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên trung học phổ thông trong các trường trung học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.” “a) Lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học phổ thông trong trường trung học phổ thông công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.”